

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2007

THÔNG TƯ

sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Để phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Sửa đổi khoản 6 mục VIII Thông tư số 71/2006/TT-BTC như sau:

“6. Thực hiện chi đối với khoản thu nhập tăng thêm: Căn cứ kết quả hoạt động tài chính quý, năm của đơn vị, nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thực hiện chi đối với khoản thu nhập tăng thêm hàng quý tối đa không quá 60% số chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị xác định được theo quý.

- Kết thúc năm, trước ngày 31/01 năm sau, đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tự xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi và kinh phí chi thu nhập tăng thêm của năm trước theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để thanh toán thu nhập tăng

thêm cho người lao động đảm bảo không vượt quá mức theo chế độ quy định.

- Căn cứ quyết toán của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Trường hợp số chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế cao hơn số đơn vị tự xác định và kinh phí chi thu nhập tăng thêm (theo chế độ quy định) cao hơn số kinh phí đã chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm theo chế độ quy định. Trường hợp số chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế thấp hơn số đơn vị tự xác định và kinh phí đã thanh toán thu nhập tăng thêm cho người lao động lớn hơn số kinh phí được chi trả thu nhập tăng thêm (theo chế độ quy định) thì số chi vượt đơn vị phải sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (nếu có) để bù đắp, trường hợp sau khi dùng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp vẫn còn thiếu hụt thì trừ vào chênh lệch thu, chi dành chi trả thu nhập tăng thêm của năm sau; trường hợp năm sau không có chênh lệch thu lớn hơn chi, thì trừ vào Quỹ tiền lương của đơn vị.”.

2. Sửa đổi khoản 5 mục IX Thông tư số 71/2006/TT-BTC, như sau:

“5. Thực hiện chi đối với khoản thu nhập tăng thêm: Căn cứ kết quả hoạt động tài chính quý, năm của đơn vị, nhằm động viên kịp thời người lao động phần

đầu hoàn thành nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thực hiện chi đối với khoản thu nhập tăng thêm hàng quý tối đa không quá 60% số chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị xác định được theo quý.

- Kết thúc năm, trước ngày 31/01 năm sau, đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tự xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi và kinh phí chi thu nhập tăng thêm của năm trước theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để thanh toán thu nhập tăng thêm cho người lao động đảm bảo không vượt quá mức theo chế độ quy định.

- Căn cứ quyết toán của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Trường hợp số chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế cao hơn số đơn vị tự xác định và kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (theo chế độ quy định) cao hơn số kinh phí đã chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động theo chế độ quy định. Trường hợp số chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế thấp hơn số đơn vị tự xác định và kinh phí đã thanh toán thu nhập tăng thêm cho người lao động lớn hơn số kinh phí được chi trả thu nhập tăng thêm (theo chế độ quy định) thì số chi vượt đơn vị phải sử dụng Quỹ dự phòng ổn

định thu nhập (nếu có) để bù đắp, trường hợp sau khi dùng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp vẫn còn thiếu hụt thì trừ vào chênh lệch thu lớn hơn chi phần dành chi trả thu nhập tăng thêm của năm sau; trường hợp năm sau không có chênh lệch thu lớn hơn chi, thì trừ vào Quỹ tiền lương của đơn vị.

3. Sửa đổi phụ lục số 06 kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC:

(Theo phụ lục đính kèm).

4. Tổ chức thực hiện: Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định khác tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày

09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục số 06

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ,
TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

(dùng cho: Các đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ)

I. VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ
43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006
CỦA CHÍNH PHỦ

1. Công tác phổ biến, tập huấn nội dung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các văn bản liên quan; nội dung và kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó: số đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo; Y tế; Văn hóa Thông tin, Thể dục thể thao; Sự nghiệp khác.

b) Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự

chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP:

- Phân loại: (1) Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động; (2) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; (3) Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

- Kinh phí: (1) Kinh phí tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động); (2) Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động và đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động).

(Chi tiết theo biểu kèm theo)

3. Tình hình xây dựng và thực hiện các tiêu chí đánh giá và mức độ hoàn thành

nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

4. Tình hình phân cấp về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

5. Tình hình ban hành các tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAO QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị sự nghiệp:

- Số các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ...../Tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ (đạt tỷ lệ %);

- Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

2. Tình hình huy động vốn:

- Số đơn vị có huy động vốn để sử dụng hoạt động dịch vụ.... đơn vị/so với tổng số đơn vị được giao tự chủ;

+ Số vốn huy động được... triệu đồng (trong đó: huy động của cán bộ công nhân viên.... triệu đồng), vay vốn của các tổ chức tín dụng.... triệu đồng).

+ Đơn vị có số vốn huy động cao nhất.... triệu đồng, mục đích huy động (tên đơn vị);

+ Đơn vị có vốn huy động thấp nhất... triệu đồng (tên đơn vị).

- Các giải pháp huy động vốn.

3. Tình hình thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Số đơn vị tiết kiệm...../so với tổng số đơn vị giao tự chủ (đạt tỷ lệ.. %)

+ Số kinh phí tiết kiệm được..... triệu đồng; tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với dự toán được giao... %.

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất.... triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm thấp nhất.... triệu đồng (tên đơn vị)

- Số tăng thu.... triệu đồng, so với năm trước tăng... triệu đồng (tăng %)

+ Đơn vị có số tăng thu cao nhất..... triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số thu thấp nhất.... triệu đồng (tên đơn vị)

- Các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi.

4. Tình hình bố trí, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế

5. Tình hình thu nhập tăng thêm người lao động:
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần
 - Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 đến 2 lần:
 - Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 đến 3 lần:
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên:
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là....đ/tháng (tên đơn vị)
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là... đ/tháng (tên đơn vị)
6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

....., Ngày.... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ**

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế, lao động				Quy tiền lương cấp bậc chức vụ trong năm (tr. đồng)	Tổng số Kinh phí trong năm (tr. đồng)	Kinh phí NS cấp trong năm	T. số	
		Tổng số (người)	Biên chế		Lao động hợp đồng (trên 1 năm) (người)				TH năm trước (tr. đồng)	
			KH (người)	TH (người)						
1	2	3=5+6	4	5	6	7	8=9+11	9	10=12+14+16	
I	Tổng số									
	Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động									
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo									
2	Sự nghiệp y tế									
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin									
4	Sự nghiệp kinh tế									
5	Sự nghiệp khác									
II	Đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động									

09635150

HIỆN NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP
NGHIỆP NĂM 200.....

Trong đó							Tổng thu nhập tăng thêm		Trích lập Quỹ*	
Thu sự nghiệp									Quỹ PTSN	Quỹ KT, PL
	Thu phí, lệ phí		Thu dịch vụ		Thu khác					
TH trong năm (tr. đồng)	TH năm trước (tr. đồng)	TH trong năm (tr. đồng)	TH năm trước (tr. đồng)	TH trong năm (tr. đồng)	TH năm trước (tr. đồng)	TH trong năm (tr. đồng)	TH năm trước (tr. đồng)	TH trong năm (tr. đồng)	(tr. đồng)	(tr. đồng)
11=13+15+17	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

1	2	3=5+6	4	5	6	7	8=9+11	9	10=12+14+16
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo								
2	Sự nghiệp y tế								
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin								
4	Sự nghiệp kinh tế								
5	Sự nghiệp khác								
III	Đơn vị sự nghiệp kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ								
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo								
2	Sự nghiệp y tế								
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin								
54	Sự nghiệp kinh tế								
5	Sự nghiệp khác								

Ghi chú:

* Trích lập quỹ PTSN, Quỹ phúc lợi: đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi phí NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

09635150

11=13+15+17	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

09635150
LawSoft * Tel: +84-8-3845-6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí; Chi đầu tư cơ sở vật chất, chi KT, PL đối với đơn vị

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 200...

STT	Bộ, ngành	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng giao tự chủ	Trong đó: đơn vị đã thực hiện giao tự chủ theo ND số 43/2006/NĐ- CP							
				Tổng số đơn vị	Trong đó						
					Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động		Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí			Đơn vị NSNN cấp toàn bộ chi phí	
					Số lượng	Kinh phí tự chủ	Số lượng đơn vị	Kinh phí tự chủ	Trong đó: NS cấp (tr.đồng)	Số lượng đơn vị	Kinh phí NS cấp giao tự chủ (tr.đồng)
TỔNG SỐ											
I	Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động										
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo										
2	Sự nghiệp y tế										
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin										

STT	Bộ, ngành	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng giao tự chủ	Trong đó: đơn vị đã thực hiện giao tự chủ theo ND số 43/2006/ND-CP							
				Tổng số đơn vị	Trong đó						
					Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động		Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí			Đơn vị NSNN cấp toàn bộ chi phí	
					Số lượng	Kinh phí tự chủ	Số lượng đơn vị	Kinh phí tự chủ	Trong đó: NS cấp (tr.đồng)	Số lượng đơn vị	Kinh phí NS cấp giao tự chủ (tr.đồng)
4	Sự nghiệp kinh tế										
5	Sự nghiệp khác										
II	Đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động										
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo										
2	Sự nghiệp y tế										
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin										
4	Sự nghiệp kinh tế										

STT	Bộ, ngành	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng giao tự chủ	Trong đó: đơn vị đã thực hiện giao tự chủ theo ND số 43/2006/ND- CP							
				Tổng số đơn vị	Trong đó						
					Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động		Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí			Đơn vị NSNN cấp toàn bộ chi phí	
					Số lượng	Kinh phí tự chủ	Số lượng đơn vị	Kinh phí tự chủ	Trong đó: NS cấp (tr.đồng)	Số lượng đơn vị	Kinh phí NS cấp giao tự chủ (tr.đồng)
5	Sự nghiệp khác										
III	Đơn vị sự nghiệp kinh phí hoạt động do NSNN bảo đảm toàn bộ										
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo										
2	Sự nghiệp y tế										
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin										
4	Sự nghiệp kinh tế										
5	Sự nghiệp khác										